

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TRÀ ÔN  
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 80/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 12-7-2021  
V/v ly hôn, chia tài sản khi ly hôn

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà **Nguyễn Thị Thúy An**

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1/ Ông **Trần Văn Ân**

2/ Bà **Nguyễn Thị Mến**

**- Thư ký phiên tòa:** Bà **Phan Nguyễn Mộng Cẩm** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

Ngày 12 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2021/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc “*Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 90/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn H**, sinh năm 1992. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp A, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

2. *Bị đơn:* Chị **Võ Thị Huỳnh N**, sinh năm 1995. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 05/3/2021, nguyên đơn anh Nguyễn Văn Hùng trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Võ Thị Huỳnh N thành hôn vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 03/12/2018. Thời gian chung sống đến năm 2020, lúc đầu sống rất hạnh phúc, thời gian sau này không hạnh phúc vì vợ chồng cảm thấy không hợp nhau, bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi, vợ chồng ly thân khoảng 01 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống không thể tiếp tục được nữa, mục đích hôn nhân không thể đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Võ Thị Huỳnh N.

- Về con chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- Về tài sản chung: Gồm 10 chỉ vàng 24k (vàng cưới) hiện do chị N quản lý. Anh yêu cầu chia  $\frac{1}{2}$  số vàng, yêu cầu chị N có trách nhiệm giao lại cho anh 05 chỉ vàng 24k.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 21/6/2021, bản tự khai bổ sung ngày 25/6/2021, bị đơn chị Võ Thị Huỳnh N trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn H thành hôn trên cơ sở quan biết vào năm 2018, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long vào ngày 03/12/2018. Thời gian chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn từ vấn đề tiền bạc, vợ chồng ly thân khoảng hơn 01 năm nay. Nay chị đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

- Về con chung: Không có.

- Về tài sản chung: Gồm 09 chỉ vàng 24k, 01 cặp nhẫn vàng 18k và 01 tủ lạnh hiệu Sharp trị giá khoảng 5.000.000đ. Chị đồng ý chia đôi 09 chỉ vàng 24k, 01 cặp nhẫn vàng 18k với điều kiện anh H phải hoàn trả lại cho chị 17.000.000đ.

- Về nợ chung: Không có.

Tại văn bản (Biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ) ngày 28/6/2021, nguyên đơn anh H trình bày: Về quan hệ hôn nhân: Anh yêu cầu ly hôn với chị N; Về con chung không có; Về tài sản chung tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

### **[1] Về tố tụng:**

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Căn cứ đơn khởi kiện của anh Nguyễn Văn H yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long giải quyết ly hôn, chia tài sản chung với chị Võ Thị Huỳnh N, cư trú tại ấp T, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “Ly hôn, chia tài sản khi ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

[1.2] Nguyên đơn anh H có đơn xin vắng mặt ngày 28/6/2021, bị đơn chị N có đơn xin vắng mặt ngày 25/6/2021. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

### **[2] Về nội dung:**

#### **[2.1] Về hôn nhân:**

Anh Nguyễn Văn H và chị Võ Thị Huỳnh N thành hôn có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long cấp giấy chứng nhận kết hôn số 64 vào ngày 03/12/2018 nên xem quan hệ hôn nhân giữa anh H và chị N là hợp pháp.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng giữa anh H và chị N thời gian đầu sống có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và vợ chồng ly thân khoảng 01 năm nay nhưng không hàn gắn lại được và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập họp lệ đến lần thứ hai để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng chị N vắng mặt và có bản khai đồng ý ly hôn với anh H. Như vậy cho thấy tình cảm giữa anh H và chị N không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của anh H là có cơ sở phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

**[2.2] Về con chung:** Anh Nguyễn Văn H và chị Võ Thị Huỳnh N xác định không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[2.3] Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:** Anh Nguyễn Văn H phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tại Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn anh Nguyễn Văn H. Xử cho anh H ly hôn với chị Võ Thị Huỳnh N.

**2. Về con chung:** Anh Nguyễn Văn H và chị Võ Thị Huỳnh N xác định không có con chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**3. Về tài sản chung, nợ chung:** Anh Nguyễn Văn H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

**4. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Buộc anh Nguyễn Văn H nộp 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí ly hôn. Khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 950.000đ (*Chín trăm năm mươi ngàn đồng*) anh H đã nộp theo biên lai thu số 0016968 ngày 07/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long. Hoàn trả lại cho anh H số tiền chênh lệch 650.000đ (*Sáu trăm năm mươi ngàn đồng*).

**5. Về quyền kháng cáo:** Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(Đã ký)**

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long  
(Giấy chứng nhận kết hôn số 64 ngày 03/12/2018);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Nguyễn Thị Thúy An**